BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2024/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2024

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 17/2015/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cấp quốc gia như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi điểm d, bổ sung điểm d1 vào sau điểm d tại khoản 1 Điều 2:

"d) Thời gian thực hiện của mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không quá 36 tháng. Đối với nhiệm vụ KH&CN không thể thực hiện trong thời gian 36 tháng do yêu cầu của vấn đề KH&CN như: yếu tố thời vụ và/hoặc quy trình sản xuất (yêu cầu tổng thời gian thực hiện vượt quá 36 tháng) thì nhiệm vụ KH&CN phải được Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN kiến nghị Lãnh đạo Bộ KH&CN cho phép thực hiện. Ý kiến của Hội đồng được thể hiện trong Biên bản họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN;

d1) Thời gian tiến hành thủ tục phê duyệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương kể từ khi Bộ KH&CN nhận được đề xuất nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đến trước thời điểm ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không quá 01 (một) năm. Sau 01 (một) năm mà nhiệm vụ chưa được ký hợp đồng thực hiện thì nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương cần đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của vấn đề KH&CN trước khi tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ.

Để đánh giá lại tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ, Bộ KH&CN có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, nơi phát sinh vấn đề KH&CN cấp thiết địa phương, khẳng định vấn đề KH&CN vẫn còn tính cấp thiết. Sau khi nhận được văn bản khẳng định tính cấp thiết của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đơn vị quản lý chuyên môn của Bộ KH&CN tiến hành xin ý kiến tối thiểu 03 (ba) chuyên gia là thành viên Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN của chính vấn đề KH&CN cấp thiết được đề xuất. Trong số chuyên gia được xin ý kiến có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng. Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương được tiếp tục thực hiện khi ý kiến của các chuyên gia thống nhất đề xuất cần tiếp tục thực hiện tại Phiếu xin ý kiến. Trong trường hợp các chuyên gia có ý kiến không thống nhất, Bộ KH&CN có văn bản thông báo dừng không triển khai nhiệm vụ.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2:

"2. Yêu cầu riêng đối với đề án, đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.".

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"**Điều 4. Đề xuất, xác định và phê duyệt Danh mục đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét, lựa chọn các vấn đề KH&CN đáp ứng những yêu cầu quy định tại Điều 2 Thông tư này xây dựng đề xuất đặt hàng kèm theo văn bản cam kết bố trí phần ngân sách địa phương và địa chỉ ứng dụng thực hiện nhiệm vụ gửi Bộ KH&CN.

Việc xây dựng đề xuất đặt hàng, hoàn thiện đề xuất đặt hàng, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.

2. Bộ KH&CN thực hiện tổ chức xác định nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương theo quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BKHCN.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

"1. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2023/TT-BKHCN ngày 12/10/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

"1. Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, Bộ KH&CN giao cho đơn vị quản lý kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương thuộc Bộ ký hợp đồng.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 3 Điều 7 như sau:

"2. Việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN áp dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương không trái với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương trong quá trình thực hiện cần gia hạn do gặp phải thiên tai, dịch bệnh hoặc yếu tố khách quan khác (vấn đề KH&CN mới phát sinh trên đối tượng nghiên cứu, ứng dụng; bị phá hoại) làm ảnh hưởng đến kết quả nhiệm vụ mà tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ và thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ cần thiết phải vượt quá 36 tháng (bao gồm nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt quá 36 tháng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này) thì mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương quy định tại khoản này chỉ được gia hạn 01 (một) lần không quá 6 tháng đối với nhiệm vụ được phê duyệt không quá 36 tháng và gia hạn 01 (một) lần không quá 01 (một) năm đối với nhiệm vụ được phê duyệt vượt quá 36 tháng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Thông tư này. Trình tự, thủ tục gia hạn nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.".

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

"2. Tổ chức chủ trì thực hiện trách nhiệm của bên B ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương với các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Thông tư này.".

7. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 14 như sau:

"5. Chỉ đạo theo dõi, kiểm tra, báo cáo Bộ KH&CN tình hình ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật KH&CN năm 2013 và khoản 2 Điều 19 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26/6/2023 của Bộ trưởng Bộ KH&CN sau khi tiếp nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp thiết địa phương.".

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2024.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ KH&CN bằng văn bản để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Giang